

Số: /KH-VPĐP

Quảng Ngãi, ngày tháng 6 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)
năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND tỉnh Phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới năm 2023 từ nguồn vốn ngân sách trung ương và nguồn vốn đối ứng ngân sách tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-SNNPTNT ngày 03/4/2023 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023, nguồn vốn Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1633/STC-HCSN ngày 29/5/2023 của Sở Tài chính về việc thẩm tra, dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh.

Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (gọi tắt là Văn phòng nông thôn mới tỉnh) xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2023, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) một cách đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, cụ thể hóa các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình OCOP và Đề án chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình OCOP năm 2023 sát với tình hình thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập, đời sống cho nhân dân.

- Tổ chức tuyên truyền sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng về mục đích, ý nghĩa của Chương trình OCOP để cán bộ, đảng viên và người dân nhận thức được lợi ích, giá trị kinh tế, giá trị nhân văn của Chương trình OCOP.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực quản lý về Chương trình OCOP cho đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước các cấp (huyện, xã) và chủ các doanh nghiệp, Hợp tác xã, chủ hộ sản xuất,...(gọi tắt là Chủ thể) có đăng ký kinh doanh tham gia Chương trình OCOP trên phạm vi toàn tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh; triển khai công tác quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận sản phẩm OCOP Việt Nam đối với sản phẩm đạt sao OCOP cấp tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện Chương trình OCOP;

- Tăng cường chuyển đổi số trong truyền thông Chương trình OCOP;

- Tổ chức đoàn đi kiểm tra thực tế tại cơ sở sản xuất các sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng OCOP năm 2023 và các sản phẩm đạt OCOP giai đoạn 2021-2025 nhằm khẳng định chất lượng sản phẩm OCOP của tỉnh;

- Thực hiện tốt công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP thường niên; củng cố, nâng hạng các sản phẩm đạt sao OCOP trong giai đoạn 2019-2022 có khả năng tiếp tục phát triển và cạnh tranh trên thị trường;

- Khen thưởng các chủ thể có sản phẩm đạt 4 sao OCOP cấp tỉnh nhằm khuyến khích chủ thể tiếp tục phát triển sản phẩm.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện Chương trình OCOP

a) Nội dung

- Hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung tại Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá phân

hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm; Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 14/7/2022 của UBND tỉnh Phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 17/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Hướng dẫn các địa phương triển khai tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm gắn với chủ trương, định hướng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng: Dự kiến 274 người

- Cấp tỉnh (23 người) gồm: Đại diện Lãnh đạo UB MTTQ Việt Nam tỉnh; Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Các Chi cục trực thuộc Sở: Phát triển nông thôn, Quản lý Chất lượng NLS&TS và phòng Kế hoạch - Tài chính: 6 người; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh: 04 người; Đại diện Lãnh đạo các Sở (13 người): Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Tài nguyên và Môi trường, Hội nông dân tỉnh, Liên minh HTX tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình, Báo Quảng Ngãi, Tỉnh Đoàn: mỗi đơn vị cử 01 người tham gia.

- Cấp huyện (26 người): Mỗi địa phương mời 02 người gồm: Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng kinh tế (02 người).

- Cấp xã: Đại diện Lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn: 173 người.

- Chủ thể: Các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại, hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh, các hội/hiệp hội, Trung tâm điều hành hoặc tổ chức tương đương: Mỗi địa phương mời 4 đơn vị tham gia (52 người).

c) Thời gian, số lớp, đơn vị thực hiện

- Số lượng: 01 lớp tập huấn.

- Thời lượng: 01 ngày.

- Thời gian tổ chức: Quý III/2023

- Đơn vị tổ chức: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

2. Tập huấn các chuyên đề cho công chức và chủ thể tham gia Chương trình OCOP về chu trình OCOP thường niên

a) Nội dung

- Hướng dẫn triển khai chu trình OCOP thường niên.

- Hướng dẫn triển khai thủ tục, hồ sơ và trình tự các bước đánh giá sản phẩm OCOP cấp huyện và cấp tỉnh.

- Hướng dẫn các nội dung: phát triển ý tưởng kinh doanh cho sản phẩm mới, cách thức xây dựng câu chuyện sản phẩm, cách thức xúc tiến thương mại sản phẩm.

- Hướng dẫn cách thức ghi nhãn mác sản phẩm theo đúng quy định của pháp luật, cách thức hỗ trợ hồ sơ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm.

- Hướng dẫn cách thức quản lý chất lượng sản phẩm, marketing, bán hàng.

- Hướng dẫn xây dựng ý tưởng cho sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn, ý tưởng kinh doanh cho sản phẩm du lịch nông thôn tham gia OCOP.

b) Đối tượng: dự kiến 95 người/lớp.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh: 04 người.

- Cấp huyện (26 người): Mỗi địa phương mời 02 người gồm: Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng kinh tế (02 người).

- Chủ thể: Các tổ chức, cá nhân gồm doanh nghiệp, HTX, Cơ sở sản xuất (gọi tắt là chủ thể) ở các huyện, thị xã, thành phố: mỗi địa phương mời 5 người (13 x 5=65 người).

c) Thời gian, số lớp, đơn vị thực hiện

- Số lớp: 01 lớp

- Thời lượng tập huấn: 03 ngày/lớp (Trong đó có: 01 ngày đi thực tế).

- Thời gian tổ chức: Quý III/2023.

- Đơn vị tổ chức thực hiện: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

3. Đào tạo cán bộ thực hiện Chương trình OCOP, Hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết (do Trung ương tổ chức)

a) Đối tượng: Cán bộ, công chức, viên chức Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh

b) Thời gian: Theo giấy mời của các bộ, ngành Trung ương

4. Tăng cường chuyển đổi số trong truyền thông Chương trình OCOP

a) Thông tin tuyên truyền về Chương trình OCOP (thông tin khác: áp phích, pa-nô, khẩu hiệu) lắp đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Nội dung: Lắp đặt Pa-nô sản phẩm OCOP tỉnh Quảng Ngãi; lắp đặt bảng điện tử khẩu hiệu thông tin tuyên truyền Chương trình OCOP,...

- Thời gian thực hiện: Quý III/2023.

- Đơn vị tổ chức thực hiện: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động Chương trình OCOP (Vận hành trang thông tin điện tử Chương trình OCOP)

- Nội dung: Tổ chức viết bài, đăng hình ảnh, video, văn bản,... Đồng thời biên tập, quản lý nội dung đăng bài trên Website OCOP Quảng Ngãi theo đúng quy định của pháp luật về cách thức xử lý, đăng bài trên báo điện tử; chịu trách nhiệm nội dung hoạt động trên Website OCOP Quảng Ngãi.

- Đối tượng: Ban biên tập Trang thông tin điện tử Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Quảng Ngãi tại Quyết định số 40/QĐ-VPĐP ngày 17/3/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng

Ngãi; Tất cả cán bộ, công nhân viên chức, công dân Việt Nam có bài viết đặc sắc về sản phẩm đặc trưng địa phương, Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

c) In kỷ yếu về Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá Chương trình OCOP; Kỷ yếu các sản phẩm OCOP giai đoạn 2019-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

- In kỷ yếu về Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá Chương trình OCOP.

+ Nội dung: Theo Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm và các nội dung cập nhật, bổ sung mới (nếu có) nhằm giúp cho cán bộ, công chức triển khai chương trình OCOP cấp huyện, cấp xã và chủ thể nắm rõ về các nội dung, tiêu chí, quy trình đánh giá, phân hạng OCOP:

+ Số lượng: Dự kiến số lượng 995 cuốn

+ Cấp cho cơ quan, đơn vị gồm: Cấp xã: 173 xã, phường, thị trấn x 5 cuốn/địa phương = 865 cuốn; Cấp huyện: 13 huyện, thị xã, thành phố x 10 cuốn/địa phương = 130 cuốn.

- Kỷ yếu các sản phẩm OCOP giai đoạn 2019-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

+ Nội dung: Thu thập thông tin 124 sản phẩm OCOP 3-4 sao (gồm 9 sản phẩm đạt 4 sao và 115 sản phẩm đạt 3 sao) giai đoạn 2019-2021 nhằm quảng bá, giới thiệu sản phẩm tỉnh Quảng Ngãi đến với khách hàng trong và ngoài tỉnh.

+ Số lượng: Dự kiến số lượng 1.139 cuốn

+ Cấp cho cơ quan, đơn vị gồm: Cấp xã: 173 xã, phường, thị trấn x 5 cuốn/địa phương = 865 cuốn; Cấp huyện: 13 huyện, thị xã, thành phố x 10 cuốn/địa phương = 130 cuốn; các sở, ban, ngành tỉnh: 20 cuốn; các cho Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Công thương các tỉnh, thành phố trong cả nước: 62 tỉnh, thành phố x 2 cuốn/đơn vị/tỉnh = 124 cuốn.

5. Tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh năm 2023

a) Nội dung: Tổ chức Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh hàng năm: Chi phí cho các thành viên Hội đồng đánh giá, chi phí cho tổ OCOP giúp việc Hội đồng đánh giá, chi phí công tác tổ chức; chi phí chuẩn bị hồ sơ, gửi mẫu sản phẩm dự thi OCOP 5 sao (nếu có),...

b) Đối tượng:

- Cấp tỉnh: Thành viên Hội đồng đánh giá phân hạng sản phẩm và thư ký Hội đồng OCOP tỉnh (11 người); Tổ giúp việc Hội đồng OCOP; Báo, Đài truyền hình Quảng Ngãi

- Cấp huyện: Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng kinh tế (Lãnh đạo và chuyên viên): 13 người; Đại diện Lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn có sản phẩm dự thi OCOP cấp tỉnh.

- Các chủ thể: có sản phẩm tham gia đánh giá, phân hạng OCOP cấp tỉnh năm 2023.

c) Thời gian, thời lượng, đơn vị thực hiện

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2023

- Thời lượng đánh giá, phân hạng: 04 ngày gồm: Họp tổ tư vấn giúp việc Hội đồng (thẩm định, đánh giá hồ sơ OCOP): 2 ngày; Hội đồng đánh giá, phân hạng OCOP cấp tỉnh: 2 ngày

- Đơn vị tổ chức thực hiện: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

6. Tổ chức đoàn liên ngành đi kiểm tra thực tế tại cơ sở các sản phẩm OCOP giai đoạn 2019-2022 và các sản phẩm tham gia đánh giá năm 2023

a) Nội dung

Đi kiểm tra thực tế các cơ sở sản xuất các sản phẩm OCOP giai đoạn 2019-2022 và các sản phẩm dự thi OCOP năm 2023 tại 13 huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Đối tượng

- Thành phần đoàn kiểm tra: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì phối hợp với các thành viên Tổ tư vấn giúp việc Hội đồng OCOP tỉnh, các sở, ngành có liên quan.

- Đối tượng kiểm tra: Các chủ thể có các sản phẩm OCOP giai đoạn 2019-2022 và các sản phẩm dự thi OCOP năm 2023

c) Thời gian, đơn vị thực hiện:

- Thời gian dự kiến: Quý III- IV năm 2023.

- Đơn vị tổ chức thực hiện: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

7. Tổ chức Hội nghị tổng kết, trao giấy chứng nhận sản phẩm OCOP thuộc chương trình OCOP năm 2023

a) Nội dung

- Tổ chức Hội nghị tổng kết, trao giấy chứng nhận sản phẩm OCOP thuộc chương trình OCOP năm 2023

- Chi giải thưởng cho các sản phẩm đạt 4 sao.

b) Đối tượng: dự kiến 78 người

- Cấp tỉnh (22 người) gồm: Thành viên Hội đồng đánh giá phân hạng sản phẩm và thư ký Hội đồng OCOP tỉnh (11 người); Tổ giúp việc Hội đồng OCOP: 9 người; Báo, Đài truyền hình Quảng Ngãi: 02 người

- Cấp huyện (26 người) gồm: Lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố: 13 người; Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng kinh tế (Lãnh đạo/chuyên viên): 13 người.

- Cấp xã (dự kiến 15 người): Đại diện Lãnh đạo UBND các xã, phường, thị trấn có sản phẩm dự thi OCOP cấp tỉnh

- Các chủ thể có sản phẩm đạt OCOP: dự kiến 15 chủ thể *(theo đăng ký)*.

c) *Số lượng, thời gian, đơn vị thực hiện*

- Số lượng: 01 Hội nghị.

- Thời lượng: 01 ngày.

- Thời gian thực hiện: Quý IV năm 2023.

- Đơn vị tổ chức thực hiện: Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Tổng kinh phí là: **1.194.800.000 VNĐ (bằng chữ: Một tỷ một trăm chính mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng).**

- Thực hiện theo Quyết định số 205/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2023; Quyết định số 199/QĐ-SNNPTNT ngày 03/4/2023 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023, nguồn vốn Ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; Công văn số 1633/STC-HCSN ngày 29/5/2023 của Sở Tài chính về việc thẩm tra, dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh.

- Chi tiết kinh phí: Theo phụ lục đính kèm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện nội dung theo Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) năm 2023 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Phòng KH - TC Sở;
- Chánh VP ĐP NTM tỉnh;
- Lưu: VT, Duẩn.

CHÁNH VĂN PHÒNG

Hồ Trọng Phương

PHỤ LỤC:
KINH PHÍ SỰ NGHIỆP CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2023
(NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH)
ĐƠN VỊ THỰC HIỆN: Văn phòng Điều phối CTMTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi
Nội dung: Chương trình OCOP (Mã CTMTQG 0493)
(Kèm theo Kế hoạch số 121 /KH-VPĐP ngày 6 tháng 6 năm 2023 của Văn phòng NTM tỉnh)

DVT: Đồng

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
I	Kinh phí đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực thực hiện Chương trình OCOP				185.580.000	185.580.000	0		
1	Tập huấn triển khai Chương trình OCOP năm 2023				40.320.000	40.320.000	0	- Điểm c Khoản 2 điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính - Khoản 1 Điều 5 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính	
1.1	Chi phí cho báo cáo viên (Mời báo cáo viên là tiến sĩ ngoài tỉnh)				7.340.000	7.340.000	0		
	Tiền thuê báo cáo viên	buổi	2	1.200.000	2.400.000	2.400.000	0	Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND	dự kiến tổ chức tại TP. Quảng Ngãi

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
	Phụ cấp lưu trú cho báo cáo viên	Ngày	2	200.000	400.000	400.000	0	<i>Phụ cấp công tác phí theo Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>	
	Tiền đi lại của giảng viên (Thanh toán theo hóa đơn thực tế)	Lượt khứ hồi	1	4.000.000	4.000.000	4.000.000	0	<i>Áp dụng điểm đ Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính</i>	
	Tiền thuê phòng nghỉ cho báo cáo viên	đêm	1	500.000	500.000	500.000	0	<i>Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND</i>	
	Nước uống báo cáo viên	ngày	1	40.000	40.000	40.000	0	<i>Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính</i>	
1.2	Chi phí cho lớp học, học viên (Đại biểu)				32.980.000	32.980.000	0		
	Hội trường, tăng âm, loa đài, khánh tiết...	Ngày	1	5.000.000	5.000.000	5.000.000	0	<i>Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>	
	Văn phòng phẩm, phô tô tài liệu	Người	274	30.000	8.220.000	8.220.000	0	<i>Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>	
	Băng rôn chào mừng bên ngoài hội trường	bộ	1	1.000.000	1.000.000	1.000.000	0	<i>nội dung chi theo Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính; mức chi theo thực tế</i>	

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
	Nước uống: (khách mời: ở tỉnh 23 người + ở huyện 26 người + ở xã 173 người + chủ thể 52 người)	Người	274	40.000	10.960.000	10.960.000	0	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính	
	Hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng không hưởng lương (13 huyện/thị xã/tp *4 người =52 người)	Người	52	150.000	7.800.000	7.800.000	0	Thông tư số 40/2017/TT-BTC	
2	Tập huấn các chuyên đề cho chủ thể, cán bộ triển khai chương trình OCOP (1 lớp x 3 ngày/lớp)	Lớp	1	102.360.000	102.360.000	102.360.000	0	điểm c Khoản 2 điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính	
	Chi phí cho 1 lớp				102.360.000	102.360.000	0		
2.1	Chi phí cho báo cáo viên (Mời báo cáo viên ngoài tỉnh)				11.120.000	11.120.000	0		
	Báo cáo viên mời ngoài tỉnh	buổi	6	900.000	5.400.000	5.400.000	0	Nghị quyết 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/4/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
	Phụ cấp lưu trú cho báo cáo viên	Ngày	3	200.000	600.000	600.000	0	Phụ cấp công tác phí theo Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
	Tiền đi lại của giảng viên (Thanh toán theo hóa đơn thực tế)	Lượt khứ hồi	1	4.000.000	4.000.000	4.000.000	0	Áp dụng điểm d Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính	

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
	Tiền thuê phòng nghỉ cho báo cáo viên	đêm	2	500.000	1.000.000	1.000.000	0	<i>Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>	
	Nước uống	ngày	3	40.000	120.000	120.000	0	<i>Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính</i>	
2.2	Chi phí cho lớp học, học viên (Đại biểu) (cấp tỉnh 04 người + cấp huyện 26 người + các chủ thể 65 người = 95 người)	lớp	1		91.240.000	91.240.000	0		
	Hội trường, tăng âm, loa đài, khánh tiết...	Ngày	2	5.000.000	10.000.000	10.000.000	0	<i>Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>	dự kiến tổ chức tại TP. Quảng Ngãi
	Văn phòng phẩm, tài liệu	Người	95	30.000	2.850.000	2.850.000	0	<i>Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>	
	Băng rôn chào mừng bên ngoài hội trường	bộ	1	1.240.000	1.240.000	1.240.000	0	<i>Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính; mức chi theo thực tế</i>	
	Nước uống (95 người x 3 ngày = 285 người)	Người	285	40.000	11.400.000	11.400.000	0	<i>Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính</i>	
	Hỗ trợ tiền ăn cho đối tượng không hưởng lương (13 huyện/thị xã/tp x 5 người x 3 ngày = 195 người)	Người	195	150.000	29.250.000	29.250.000	0	<i>Thông tư số 40/2017/TT-BTC</i>	

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
	Tiền khoán thuê phòng nghỉ cho đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tổ chức tại Tp Quảng Ngãi (200.000 đồng/ngày/người *2 đêm * 65người)	người	130	200.000	26.000.000	26.000.000	0	<i>Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>	
	Thuê xe đi thực tế tại các cơ sở sản xuất sản phẩm OCOP (3 xe x 30 chỗ *1 ngày	xe	3	3.500.000	10.500.000	10.500.000	0	Chi theo thực tế	Mộ Đức
3	Chi phí đào tạo cán bộ thực hiện Chương trình OCOP, Hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết (do Trung ương tổ chức)	đợt	2	21.450.000	42.900.000	42.900.000	0	- Điểm c Khoản 2 điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính - Khoản 1 Điều 5 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính	
	Chi phí cho 01 đợt				21.450.000	21.450.000	0		
	Tiền xe/máy bay (đi và về) cho 03 người	Lượt	6	2.500.000	15.000.000	15.000.000	0	<i>Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính. Chi theo thực tế.</i>	
	Khoản Phụ cấp lưu trú (3 người * 4 ngày)	ngày	12	200.000	2.400.000	2.400.000	0	<i>Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>	
	Tiền thuê phòng nghỉ (3 người/phòng * 3 đêm)	đêm	9	450.000	4.050.000	4.050.000	0	<i>Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>	

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
II	Kinh phí hỗ trợ tăng cường chuyển đổi số trong truyền thông Chương trình OCOP				683.400.000	683.400.000	0	- Điểm b Khoản 2 điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính;	
1	Chi thông tin tuyên truyền về Chương trình OCOP (thông tin khác: áp phích, pa-nô, khẩu hiệu) lắp đặt tại Sở Nông nghiệp và PTNT	gói	1	101.000.000	101.000.000	101.000.000	0	khoản 2 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022	
	Chi phí lắp đặt Pa-nô sản phẩm OCOP tỉnh Quảng Ngãi	cái	1	5.000.000	25.000.000	25.000.000	0	Chi theo thực tế.	
	Chi phí lắp đặt bảng điện tử khẩu hiệu thông tin tuyên truyền Chương trình OCOP	cái	1	76.000.000	76.000.000	76.000.000	0	Chi theo thực tế.	
2	Chi ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động Chương trình OCOP (Vận hành trang thông tin điện tử Chương trình OCOP)	trang	1	32.130.000	32.130.000	32.130.000	0	Khoản 4 điều 5 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022	
2.1	Chi phí hỗ trợ ban biên tập				13.800.000	13.800.000	0		
	Trưởng ban biên tập	tháng	12	300.000	3.600.000	3.600.000	0	QĐ 355/QĐ-UBND ngày 17/3/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc quy định mức chi phục vụ hoạt động của cổng thông tin điện tử tỉnh quảng ngãi và các trang thông tin điện tử thành phần	
	Phó trưởng ban biên tập (1 người)	tháng	12	250.000	3.000.000	3.000.000	0		
	Thành viên (03 người)	tháng	36	200.000	7.200.000	7.200.000	0		
2.2	Chi phí thu thập thông tin, bài mới bằng tiếng Việt				15.300.000	15.300.000	0		

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
	Chi nhuận bút cho bài viết (12 tháng) bình quân 5bài viết/tháng (những bài viết phản ánh thông tin hoạt động bình thường)	bài viết	60	140.000	8.400.000	8.400.000	0		
	Chi nhuận bút cho tin bài (12 tháng) bình quân 5tin/tháng (tin mới, sự kiện)	tin	60	85.000	5.100.000	5.100.000	0		
	Chi nhuận bút cho ảnh (12 tháng) trung bình 5 ảnh/tháng (ảnh minh họa thông thường)	ảnh	60	30.000	1.800.000	1.800.000	0		
2.3	Chi phí biên tập, cập nhật thông tin (Bao gồm văn bản chỉ đạo điều hành, lịch công tác, báo cáo)				3.030.000	3.030.000	0		
	Biên tập tin	tin	60	12.000	720.000	720.000	0		
	Biên tập bài viết	bài viết	60	30.000	1.800.000	1.800.000	0		
	Cập nhật thông tin, bài viết, ảnh	tin/bài/ảnh	120	3.000	360.000	360.000	0		
	Cập nhật văn bản	văn bản	50	3.000	150.000	150.000	0		
3	Kinh phí in kỹ yếu về Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá Chương trình OCOP; Kỹ yếu các sản phẩm OCOP giai đoạn 2019-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi				550.270.000	550.270.000	0	<i>điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022</i>	

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
3.1	Kinh phí in kỹ yếu về Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá Chương trình OCOP				138.400.000	138.400.000	0	- điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022; - điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022	
3.1.1	Kinh phí in kỹ yếu về Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá Chương trình OCOP		995	120.000	119.400.000	119.400.000	0	điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022	
	cấp phát cho các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (173 xã, phường, thị trấn x 5 cuốn)	Cuốn	865	120.000	103.800.000	103.800.000	0		
	cấp phát cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (13 huyện, thị xã, thành phố x 5 cuốn)	Cuốn	130	120.000	15.600.000	15.600.000	0		
3.1.2	Chi phí xin giấy phép xuất bản của Sở Thông tin và Truyền thông về kỹ yếu; chi phí thẩm định giá kỹ yếu....				9.000.000	9.000.000	0	Theo hoá đơn thực tế	
3.1.3	Chi phí gửi cảm nang để các có cơ quan, đơn vị				10.000.000	10.000.000	0	Theo hoá đơn thực tế	
3.2	Kinh phí in kỹ yếu các sản phẩm OCOP giai đoạn 2019-2022 trên địa bàn tỉnh				411.870.000	411.870.000	0	- điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022; - điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022	

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
3.2.1	Kỷ yếu các sản phẩm OCOP giai đoạn 2019-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi		1.139	330.000	375.870.000	375.870.000	0	<i>điểm d khoản 2 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022</i>	
	cấp phát cho các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh (173 xã, phường, thị trấn x 5 cuốn)	Cuốn	865	330.000	285.450.000	285.450.000	0		
	cấp phát cho các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh (13 huyện, thị xã, thành phố x 10 cuốn)	Cuốn	130	330.000	42.900.000	42.900.000	0		
	cấp phát các sở, ngành, tỉnh (20 cơ quan, đơn vị)	Cuốn	20	330.000	6.600.000	6.600.000	0		
	cấp các cho Sở Nông nghiệp và PTNT; Sở Công thương các tỉnh, thành phố trong cả nước	Cuốn	124	330.000	40.920.000	40.920.000	0		
3.2.2	Chi phí xin giấy phép xuất bản của Sở Thông tin và Truyền thông về kỷ yếu các sản phẩm OCOP giai đoạn 2019-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; chi phí thẩm định giá kỷ yếu....				13.000.000	13.000.000	0	<i>Theo hoá đơn thực tế</i>	
3.2.3	chi phí gửi Kỷ yếu các sản phẩm OCOP giai đoạn 2019-2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến các cơ quan, đơn vị				23.000.000	23.000.000	0	<i>Theo hoá đơn thực tế</i>	

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
III	Chi phí tổ chức thi đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh (dự kiến 14 sản phẩm đề xuất đánh giá, phân hạng cấp tỉnh, 01 sản phẩm dự thi OCOP Trung ương)				181.020.000	175.820.000	-5.200.000	điểm h khoản 2 Điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022	
1	Thù lao trực tiếp chi họp Hội đồng				6.400.000	6.400.000	0		
	Chủ tịch hội đồng	người	1	400.000	400.000	400.000	0	Áp dụng tại điểm đ. khoản 1 phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014	Đ/c Trần Phước Hiền - PCT UBND tỉnh
	Thành viên Hội đồng, thư ký (10 người/ngày*2 ngày)	người	20	300.000	6.000.000	6.000.000	0		
2	Chi nhận xét, phản biện của Hội đồng				30.000.000	30.000.000	0		
	Bài nhận xét của uỷ viên Hội đồng (10 người x 01 nhận xét/sản phẩm x 15 sản phẩm)	Nhận xét	150	200.000	30.000.000	30.000.000	0		
3	Công tác tổ chức				91.120.000	85.920.000	-5.200.000		
3.1	Hợp tổ tư vấn giúp việc Hội đồng (thẩm định, đánh giá hồ sơ OCOP)				17.280.000	17.280.000	0		
	Hội trường, tăng âm, loa đài, khánh tiết,...	ngày	2	5.000.000	10.000.000	10.000.000	0	Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND	

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
	Nước uống ((Tổ tư vấn, giúp việc Hội đồng: 10 người + 10 các huyện + 6 chủ thể = 26 người * 2 ngày))	người	52	40.000	2.080.000	2.080.000	0	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính	
	Đại biểu mời tham dự (Tổ tư vấn, giúp việc Hội đồng: 10 người* 2 ngày)	người	20	200.000	4.000.000	4.000.000	0	Áp dụng tại điểm đ. khoản 1 phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014	
	Đại biểu mời (chủ thể có sản phẩm dự thi OCOP theo đăng ký)	người	12	100.000	1.200.000	1.200.000	0		
3.2	Chi phí phục vụ đoàn đi kiểm tra thực tế liên ngành tại cơ sở có sản phẩm OCOP	đợt	1		48.500.000	43.300.000	-5.200.000	Điểm h khoản 2 Điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022	
	Tiền thuê xe...: 13 ngày Tính bình quân 1 ngày/huyện, thị xã, thành phố	ngày	13	2.600.000	33.800.000	28.600.000	-5.200.000	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính và theo thực tế.	Giá xe tính B/Q 2.2 tr
	Khoản phụ cấp lưu trú: (9 người/ngày x 13 ngày = 117 ngày	ngày	117	100.000	11.700.000	11.700.000	0	Điểm b khoản 2 Điều 12 TT40/2017/TT-BTC	
	Văn phòng phẩm, tài liệu	bộ	100	30.000	3.000.000	3.000.000	0	Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và chi theo thực tế	

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
3.3	Hợp Hội đồng đánh giá, phân hạng OCOP cấp tỉnh				25.340.000	25.340.000	0		
	in Pano (bên ngoài)	cái	1	1.200.000	1.200.000	1.200.000	0	Theo thực tế	
	Hội trường, tăng âm, loa đài, khánh tiết...	ngày	2	5.000.000	10.000.000	10.000.000	0	Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
	Văn phòng phẩm, tài liệu (phiếu chấm điểm của 10 người x 01 nhận xét/sản phẩm x 15 sản phẩm)	bộ	150	30.000	4.500.000	4.500.000	0	Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và chi theo thực tế	
	Nước uống (người HD, Tổ giúp việc + chủ thể + UBND cấp xã: 15 người + Phòng Nông nghiệp/Kinh tế người: 13 người) =121 người)	người	121	40.000	4.840.000	4.840.000	0	Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi	
	Đại biểu mời tham dự (Tổ tư vấn, giúp việc Hội đồng: 9 người *2 ngày = 18 người)	người	18	200.000	3.600.000	3.600.000	0	Áp dụng tại điểm đ. khoản 1 phụ lục ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014	
	Đại biểu mời (chủ thể có sản phẩm dự thi OCOP theo đăng ký)	người	12	100.000	1.200.000	1.200.000	0		
4	Chi phí chuyển hồ sơ, sản phẩm ra Trung ương đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm 05 sao				43.600.000	43.600.000	0	điểm h khoản 2 Điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022	
4.1	Chi phí cho cán bộ quản lý				39.600.000	39.600.000	0		
	Khoản Phụ cấp lưu trú (3 người * 3ngày/đợt*2đợt)	ngày	18	200.000	3.600.000	3.600.000	0	Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND	

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
	Tiền phòng ngủ (3 người/2 phòng * 2 đêm/phòng * 2 đợt)	đêm	12	1.000.000	12.000.000	12.000.000	0	<i>Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi. (Tại Hà Nội, thành phố Trực thuộc TW)</i>	
	Vé máy bay/tàu xe... (3 người * 2 đợt/vé khứ hồi; taxi đi và về)	vé	6	4.000.000	24.000.000	24.000.000	0	<i>Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính và Theo hoá đơn Thực tế</i>	
4.2	Chi phí chuẩn bị hồ sơ, gửi mẫu sản phẩm dự thi OCOP 5 sao (dự kiến 01 sản phẩm)				4.000.000	4.000.000	0	<i>điểm h khoản 2 Điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022</i>	
	Tiền in hồ sơ dự thi OCOP 5 sao gửi Trung ương (01 hồ sơ gốc + 01 hồ sơ lưu * 1 sản phẩm)	bộ	2	500.000	1.000.000	1.000.000	0	<i>Theo hoá đơn Thực tế</i>	
	Tiền Scan hồ sơ dự thi OCOP 5 sao gửi Trung ương (01 hồ sơ gốc + 01 hồ sơ lưu * 1 sản phẩm)	bộ	2	500.000	1.000.000	1.000.000	0	<i>Theo hoá đơn Thực tế</i>	
	Tiền gửi mẫu sản phẩm dự thi OCOP 5 sao (dự kiến 01 sản phẩm)	đợt	2	1.000.000	2.000.000	2.000.000	0	<i>Theo hoá đơn Thực tế</i>	
5	Hội nghị tổng kết, tổ chức trao giấy chứng nhận sản phẩm OCOP thuộc chương trình OCOP năm 2023	đợt	1		9.900.000	9.900.000	0	<i>điểm h khoản 2 Điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022</i>	
	Hội trường, tăng âm, loa đài, khánh tiết...	Buổi	1	3.000.000	3.000.000	3.000.000	0	<i>Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi</i>	

STT	Nội dung chi	Dự toán đơn vị lập				STC thẩm tra		Căn cứ xây dựng mức chi	Ghi chú
		ĐVT	Số lượng	Đơn Giá	Kinh phí	Kinh phí	Chênh lệch so với đơn vị lập		
	in Pano (bên ngoài)	cái	1	1.500.000	1.500.000	1.500.000	0	Theo thực tế	
	Nước uống (cấp tỉnh: 22 người; cấp huyện (26 người); cấp xã: 15 người; 15 chủ thể = 78 người	người	78	20.000	1.560.000	1.560.000	0	Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính	
	Văn phòng phẩm, tài liệu	bộ	78	30.000	2.340.000	2.340.000	0	Nghị quyết 46/2017/NQ-HĐND ngày 29/9/2017 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi và chi theo thực tế	
	Khung và in giấy công nhận sản phẩm đạt sao OCOP cấp tỉnh (Dự kiến 15 sản phẩm)	giấy công nhận	15	100.000	1.500.000	1.500.000	0	điểm g khoản 2 Điều 4 Thông tư 15/2022/TT-BTC ngày 04/3/2022 và theo thực tế	
IV	Chi giải thưởng cho các sản phẩm đạt sao OCOP cấp tỉnh (sản phẩm đạt 4 sao năm 2023				150.000.000	150.000.000	0	- Điểm h khoản 2 điều 13 Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính - Khoản 4 Điều 4 Thông tư 126/2018/TT-BTC ngày 26/12/2018 + 5 sao: 15 triệu đồng/sản phẩm + 4 sao: 10 triệu đồng/sản phẩm + 3 sao: 8 triệu đồng/sản phẩm	Dự kiến 15 sản phẩm 4 sao
	Tổng cộng (I+II+III+IV)				1.200.000.000	1.194.800.000	-5.200.000		

Bằng chữ: Một tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm ngàn đồng./.